

Giá trị của sự giàu có về tiền bạc đối với gia đình Việt Nam

Trần Thị Hồng

Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới

Tóm tắt: Dựa trên kết quả phân tích mức độ đồng ý của 1.759 đại diện hộ gia đình với 3 nhận định thể hiện các mức độ tăng dần về giá trị của sự giàu có đối với gia đình, bài viết xem xét ý nghĩa của sự giàu có về tiền bạc đối với gia đình Việt Nam trong thời kỳ phát triển kinh tế thị trường. Các phân tích cho thấy sự giàu có về tiền bạc được nhận định không trực tiếp mang lại hạnh phúc gia đình nhưng nó giúp đảm bảo hạnh phúc gia đình khi gia đình có đủ nguồn lực kinh tế để chăm sóc, nuôi dưỡng các thành viên, thực hiện các hoạt động giải trí. Có sự khác nhau trong quan điểm về ý nghĩa của sự giàu có về tiền bạc giữa các nhóm xã hội: nhóm nam giới, nhóm những người trẻ tuổi, nhóm có mức sống nghèo, nhóm dân tộc thiểu số, nhóm sinh sống ở khu vực nông thôn có tỷ lệ cho rằng mục tiêu của gia đình là phải giàu có cao hơn so với nhóm nữ giới, nhóm những người lớn tuổi, nhóm có mức sống khá giàu, nhóm dân tộc Kinh, nhóm sinh sống ở khu vực thành thị.⁽¹⁾

Từ khóa: Gia đình; Giá trị gia đình; Kinh tế gia đình.

Ngày nhận bài: 22/2/2018; ngày chỉnh sửa: 16/3/2018; ngày duyệt đăng: 4/4/2018.

1. Đặt vấn đề

Sự giàu có về tiền bạc là một yếu tố quan trọng đối với sự phát triển của gia đình. Tuy nhiên, yếu tố này có giá trị như thế nào là chủ đề còn

gây tranh cãi với sự tồn tại của những quan điểm đối lập. Theo thuyết nhu cầu của nhà tâm lý học Maslow, nhu cầu cơ bản nhất của con người là nhu cầu về ăn, mặc, ở (được gọi là nhu cầu sinh lý). Thực tế cho thấy mỗi cá nhân, để tồn tại và phát triển, đều cần có cơm ăn, áo mặc, nhà ở, cũng như các phương tiện sinh hoạt trong cuộc sống. Vì thế, sự đầy đủ về tiền bạc hẳn có ý nghĩa quan trọng đối với gia đình. Một số nghiên cứu đã chỉ ra rằng sự thiếu thốn về tiền bạc là yếu tố làm nảy sinh mâu thuẫn gia đình, gia tăng tình trạng bạo lực gia đình. Khó khăn về kinh tế cũng là rào cản đối với trẻ em, đặc biệt là trẻ em gái, trong tiếp cận với giáo dục. Mặt khác, điều kiện kinh tế gia đình còn là một yếu tố thúc đẩy việc nâng cao chất lượng cuộc sống của gia đình. Đời sống kinh tế gia đình khá giả làm tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội có chất lượng, bao gồm các dịch vụ giải trí.

Một thực tế không thể phủ nhận là cùng với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế, gia đình Việt Nam đã có những biến đổi cả về cấu trúc, chức năng và hệ giá trị. Vậy, sự giàu có về tiền bạc có ý nghĩa như thế nào đối với gia đình trong bối cảnh nền kinh tế thị trường đang ngày càng phát triển và tiền bạc dường như ngày càng có sức mạnh hơn trong cuộc sống? Bài viết tìm hiểu quan điểm của đại diện hộ gia đình về giá trị của sự giàu có về tiền bạc đối với gia đình trong bối cảnh xã hội đang ngày càng hiện đại và phát triển. Kết quả nghiên cứu nhằm đóng góp cho quá trình nhận diện các tiêu chí phát triển gia đình Việt Nam cũng như hệ giá trị của gia đình trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và toàn cầu hóa.

Bài viết dựa trên phân tích quan điểm của 1.759 đại diện hộ gia đình về 3 nhận định thể hiện các mức độ tăng dần về giá trị của sự giàu có đối với gia đình. Các dữ liệu định tính gồm thông tin phỏng vấn sâu nam, nữ đại diện hộ gia đình cũng được sử dụng để lý giải cho mức độ đồng ý với các nhận định nêu trên. Nguồn dữ liệu được sử dụng để phân tích được rút ra từ nghiên cứu “Những giá trị cơ bản của gia đình Việt Nam hiện nay” do Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới tiến hành năm 2016-2017 trong khuôn khổ chương trình “Nghiên cứu, đánh giá tổng thể về gia đình thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế”.

2. Điểm luận một số nghiên cứu đã có

Tầm quan trọng của sự giàu có về tiền bạc đối với cuộc sống gia đình Việt Nam đã được bàn đến với nhiều quan điểm khác nhau và được nhận định có sự biến đổi theo thời gian. Một số học giả (Hồ Văn Thâm, 2006; Đặng Cảnh Khanh, Lê Thị Quý, 2007) cho rằng gia đình truyền thống

không đánh giá cao giá trị của đời sống vật chất. Gia đình truyền thống đề cao thanh bản lạc đạo, yên phận nghèo hèn, nhu cầu sống hạn chế. Chuẩn mực cao nhất của hạnh phúc gia đình người Việt không phải là sự sang giàu mà là tình nghĩa (trích lại từ Nguyễn Đức Tuyền, 2017). Tuy nhiên, cùng với thời gian, đời sống vật chất của gia đình Việt Nam có sự thay đổi theo chiều hướng ngày càng đầy đủ hơn và lúc này quan điểm “một túp lều tranh, hai trái tim vàng” dường như không còn phù hợp. Xem xét hệ giá trị của cư dân nông thôn ở 739 hộ gia đình, Phan Thị Mai Hương (2014) cho biết quan điểm “một túp lều tranh hai trái tim vàng” chỉ được 36,2% người đồng ý. Trong hệ giá trị của cư dân nông thôn, gia đình yên ấm, hòa thuận có vai trò quan trọng nhất, kế tiếp là một cuộc sống vật chất sung túc, đủ đầy. Việc đánh giá cao tầm quan trọng của giá trị vật chất đối với hạnh phúc của cá nhân cho thấy ảnh hưởng mạnh mẽ của nền kinh tế thị trường vào hệ giá trị của người dân. Lê Ngọc Văn và các tác giả khác (2016) nghiên cứu về hạnh phúc gia đình cũng cho rằng con người ở mọi nơi trên trái đất đều coi trọng giá trị vật chất, tuy nhiên, trong khi các xã hội đang công nghiệp hóa nhấn mạnh các giá trị về an ninh kinh tế vật chất thì các xã hội hậu công nghiệp hóa lại ưu tiên các giá trị về chất lượng cuộc sống và sự thể hiện bản thân. Việc các gia đình trong mẫu nghiên cứu có tỷ lệ lựa chọn cao các giá trị sinh tồn (có nhà ở, có tiện nghi sinh hoạt, có việc làm/ thu nhập ổn định) cho thấy lý thuyết hiện đại hóa đã đúng khi khẳng định công nghiệp hóa là xu thế tất yếu của những nước kém phát triển và đang phát triển vượt qua đói nghèo (Lê Ngọc Văn và cộng sự, 2016). Như vậy, dường như sự đủ đầy về tiền bạc là một trong những giá trị mà gia đình Việt Nam đang tiếp tục hướng tới. Trong hoàn cảnh thiếu thốn về vật chất, các gia đình chỉ ước mong được “ăn no, mặc ấm” nhưng khi đời sống kinh tế gia đình khá hơn, người ta lại mong muốn “có của ăn, của để”. Giá trị kinh tế gia đình đang chuyển dần từ giá trị sinh tồn sang giá trị xã hội, phản ánh sự phân tầng xã hội về mức sống.

Sự giàu có về tiền bạc có mối liên hệ với hạnh phúc gia đình hay không vẫn đang là điều tranh cãi. Hoàng Tường Vân (1996) cho rằng kinh tế tuy là cái căn bản của cuộc sống nhưng chỉ là phương tiện, không phải là mục đích của gia đình hạnh phúc. Adrian Furnham và Helen Cheng (2000) cũng cho rằng có nhiều bằng chứng cho thấy mối quan hệ thiếu chặt chẽ giữa sự giàu có và hạnh phúc. Các tiếp cận lý thuyết lý giải cho mối quan hệ này gồm: lý thuyết về các mức độ chấp nhận (người ta có thể chấp nhận sự giàu có ở bất kỳ cấp độ nào) hoặc lý thuyết về sự so sánh xã hội (người ta không bao giờ cảm thấy giàu có vì nhóm so sánh của họ luôn luôn thay đổi). Một nhà nghiên cứu kinh tế của Đại học kinh tế Luân Đôn, giáo sư Layard, cũng lập luận rằng ngày nay thế hệ chúng ta giàu hơn cha ông, thu

nhập cao hơn nhiều, có thực phẩm, xe cộ, quần áo nhưng lại không hạnh phúc hơn cha ông. Theo ông, con người nếu cứ mãi mê làm giàu và lấy đó là mục tiêu chính thì sớm hay muộn cũng rơi vào tâm trạng chán chường vì các nhu cầu khát vọng không được đáp ứng (trích lại từ Nguyễn Thị Thanh Tâm và cộng sự, 2014). Tuy nhiên, ý tưởng rằng tiền bạc mang lại hạnh phúc vẫn còn phổ biến. Nguyễn Thị Thanh Tâm và cộng sự (2014) nghiên cứu về các yếu tố tác động tới hạnh phúc gia đình dựa trên mô hình hồi quy logistic đã chỉ ra rằng nhóm những yếu tố có ảnh hưởng mạnh nhất tới mức độ hài lòng với hạnh phúc gia đình của người trả lời lần lượt là: sức khỏe tốt của người trả lời, thu nhập có khả năng trang trải chi tiêu ở mức thoải mái dư thừa và sự yên tâm với tính ổn định của thu nhập. Những hộ có mức thu nhập để trang trải các nhu cầu tiêu dùng của gia đình một cách “thoải mái, dư thừa” có độ hài lòng với hạnh phúc gia đình cao hơn hẳn so với những hộ gia đình có mức thu nhập chỉ đủ trang trải các nhu cầu tiêu dùng cơ bản và những hộ túng thiếu. Eurofound (2014) cũng cho rằng sự hài lòng và hạnh phúc có mối quan hệ chặt chẽ với thu nhập. Tỷ lệ hài lòng/ hạnh phúc tăng tỷ lệ thuận theo các nhóm thu nhập. Tuy nhiên, tỷ lệ hài lòng/ hạnh phúc của cha mẹ đơn thân ở nhóm có mức thu thập cao nhất vẫn thấp hơn so với tỷ lệ tương ứng của nhóm cha mẹ đầy đủ. Điều đó đặt vấn đề việc chung sống cùng người bạn đời mang lại hạnh phúc nhiều hơn là việc có thu nhập. Ở một cách tiếp cận khác, Richard A. Easterlin (2001) cho rằng ở giai đoạn đầu hôn nhân, những người có thu nhập cao hơn sẽ hạnh phúc hơn bởi vì khát vọng về hôn nhân của tất cả mọi người đều giống nhau và những người có thu nhập cao hơn sẽ có cơ hội thỏa mãn khát vọng tốt hơn. Tuy nhiên, sự gia tăng về thu nhập không dẫn tới sự gia tăng về sự hài lòng đối với cả nhóm thu nhập cao và nhóm thu nhập thấp bởi vì sự gia tăng về thu nhập tạo ra sự gia tăng tương đương trong khát vọng vật chất và những tác động tiêu cực của nó.

Như vậy, giá trị của sự giàu có đối với gia đình là khác biệt trong mỗi bối cảnh xã hội. Thậm chí ngay trong cùng một bối cảnh xã hội, sự giàu có cũng không phải là giá trị phổ quát, có ý nghĩa như nhau đối với mọi gia đình và mọi giai đoạn phát triển của gia đình. Tùy thuộc đặc trưng của các nhóm xã hội khác nhau, tùy thuộc vào từng giai đoạn phát triển của gia đình, sự giàu có có ý nghĩa ở các mức độ khác nhau đối với gia đình. Bài viết sẽ phân tích quan điểm của các nhóm xã hội khác nhau về giới tính, độ tuổi, trình độ học vấn, dân tộc, mức sống, khu vực sinh sống nhằm cung cấp thêm dữ liệu về giá trị của sự giàu có về tiền bạc đối với gia đình trong bối cảnh công nghiệp hóa, toàn cầu hóa.

3. Giá trị của sự giàu có về tiền bạc đối với gia đình Việt Nam

Quan niệm về giá trị của sự giàu có về tiền bạc đối với gia đình

Giá trị của sự giàu có về tiền bạc đối với gia đình Việt Nam được đo lường qua mức độ đồng ý của người trả lời với 3 nhận định thể hiện 3 mức độ khác nhau về tầm quan trọng của tiền bạc/ điều kiện kinh tế/ sự giàu có đối với gia đình. Phương án trả lời được thiết kế dựa theo thang Likert 5 điểm từ “rất không đồng ý” (1) đến “hoàn toàn đồng ý” (5). Bảng 1 thể hiện tỷ lệ người trả lời đồng ý với các nhận định (tỷ lệ lựa chọn thang điểm 4 và 5).

Kết quả cho thấy, trong quan niệm của đa số người dân, sự giàu có về tiền bạc không phải là yếu tố tiên quyết quyết định hạnh phúc gia đình và không phải là giá trị mục tiêu mà gia đình hướng tới. Có 70,5% người trả lời đồng ý với nhận định “vợ chồng có thể có hạnh phúc mà không cần có nhiều tiền” và chỉ có 39,5% đồng ý với nhận định “mục tiêu của gia đình là phải giàu có”. Lý giải cho quan điểm vì sao gia đình vẫn hạnh phúc mà không cần phải có nhiều tiền, một nam giới chia sẻ rằng gia đình ông đã trải qua thời kỳ khó khăn nhất về kinh tế, phải “*bế con đi xin ăn*” “*rét mướt phải đắp bằng lá chuối với rom cuốn để ngủ*” nhưng những khó khăn đó không làm ảnh hưởng tới hạnh phúc gia đình bởi vì có một yếu tố khác, đó là sự đoàn kết và tình yêu thương, đã như một chất keo kết dính các thành viên gia đình. Ông cho rằng “*Nếu không có cái tình đoàn kết thương yêu nhau thì khó vượt qua lắm. Cái sự đoàn kết ấy nó mới tạo ra kinh tế, tạo ra mọi thứ. Tức trong hoàn cảnh khó khăn về kinh tế, hai vợ chồng biết thương yêu nhau, biết động viên nhau cùng lao động kiếm sống mới nuôi được con*” (Nam, sinh năm 1946, không làm việc, Hà Nội). Một ý kiến khác cũng có chung quan điểm “*Trong gia đình, mọi người phải biết quan tâm chia sẻ với nhau thì dù là kinh tế nó không đầy đủ thì cũng có thể vượt qua*” (Nữ, sinh năm 1981, điều dưỡng viên, TPHCM).

Tuy không được đánh giá là yếu tố then chốt nhưng tầm quan trọng của kinh tế/tiền bạc đối với gia đình được thừa nhận. Có ý kiến cho rằng “*Vai trò kinh tế cũng rất là quan trọng. Kinh tế đứng thứ hai trong số các yếu*

Bảng 1. Tỷ lệ người trả lời đồng ý với các nhận định liên quan đến tiền bạc/ sự giàu có trong cuộc sống gia đình (%)

| Quan niệm | Tỷ lệ |
|---|-------|
| Mục tiêu của gia đình là phải giàu có | 39,5 |
| Điều kiện kinh tế quyết định hạnh phúc gia đình | 57,8 |
| Vợ chồng có thể có hạnh phúc mà không cần có nhiều tiền | 70,5 |

tố quyết định hạnh phúc gia đình, sau lòng tin và sự chia sẻ. Tại vì nuôi một đứa trẻ cực kỳ tốn kém chứ không dễ như thời trước. Nên không có tiền, vợ hay chồng mà không có việc, khi đó, gia đình dễ trở nên lục đục lắm.” (Nữ, sinh năm 1995, sinh viên, Huế). Số liệu định lượng cũng cho thấy có 57,8% người trả lời đồng ý với nhận định “điều kiện kinh tế quyết định hạnh phúc gia đình”.

Có mâu thuẫn trong quan điểm của người trả lời hay không khi đa số ý kiến vừa khẳng định vai trò của giá trị kinh tế khi cho rằng “điều kiện kinh tế quyết định hạnh phúc gia đình” nhưng lại vừa phủ nhận giá trị của tiền bạc khi đồng ý “vợ chồng có thể có hạnh phúc mà không cần có nhiều tiền”? Câu trả lời là không. Mai Huy Bích (2011) nhận định rằng tiền bạc không phải là yếu tố tiên quyết quyết định hạnh phúc gia đình nhưng tiền bạc, sự giàu có có ý nghĩa quan trọng trong việc đảm bảo thực hiện các chức năng gia đình. Theo quan điểm chức năng, việc gia đình không thích nghi được với những đòi hỏi của hệ thống kinh tế đã tạo ra căng thẳng trong quan hệ vợ chồng. Dữ liệu định tính cũng cung cấp thông tin minh chứng cho sự cần thiết của tiền bạc trong cuộc sống gia đình ở mức độ “đủ”, chứ không nhất thiết phải ở mức “nhiều”. Thứ nhất, gia đình cần có đủ nguồn lực kinh tế (tiền bạc) để đảm bảo các nhu cầu cơ bản cho các thành viên gia đình. *“Hạnh phúc gia đình giờ cũng vì đồng tiền một phần. Nhiều gia đình tan vỡ cũng vì đồng tiền. Vì con cái của mình, mình cũng phải nuôi. Mình đi làm thuê thôi cũng phải duy trì để các con nó không thiếu thốn cái gì”* (Nam, sinh năm 1989, nông dân, Yên Bái). Thứ hai, trong bối cảnh chuyển đổi xã hội, các chức năng của gia đình cũng có xu hướng chuyển đổi từ chức năng kinh tế sang chức năng tiêu dùng, chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm lý tình cảm. Lúc này, giá trị của tiền bạc đặt ra không chỉ để đáp ứng các nhu cầu cơ bản của gia đình mà còn đáp ứng các nhu cầu giải trí của gia đình. *“Trong cuộc sống có nhiều nhu cầu. Bên cạnh những yếu tố góp phần làm cho hạnh phúc gia đình thì vật chất và kinh tế cũng rất quan trọng. Nó là điều kiện để cho vợ chồng gần gũi nhau hơn. Giống như cuối tuần, gia đình thích đi du lịch hoặc là thích đi chơi thì điều kiện kinh tế cũng là góp phần cho gia đình có những không gian, thời gian ở gần bên nhau. Những khoản chi trả trong gia đình để cho tình cảm nó cũng gần bó hơn”* (Nữ, sinh năm 1981, cán bộ, Huế). Theo quan điểm của một số đại diện hộ gia đình, tiền bạc cũng chỉ cần đủ để đáp ứng cơ bản các nhu cầu tối thiểu và nhu cầu tiêu dùng của gia đình bởi vì nhu cầu về tiền bạc là vô cùng và nếu cứ tiếp tục hướng theo nhu cầu của tiền bạc thì đời sống tình cảm gia đình có thể sẽ bị ảnh hưởng: *“Kinh tế phải đủ, không cần phải nhiều nhưng cũng phải có để sau này hai vợ chồng ở với nhau, rồi thì chi trả cho các con việc học hành. Nhiều người họ nghĩ*

phải là nhiều tiền nhưng chưa chắc cái gia đình đấy đã được hạnh phúc.” (Nam, sinh năm 1987, cán bộ, Hà Nội). Nếu mục tiêu gia đình hướng đến là sự giàu có về tiền bạc thì rất có thể gia đình sẽ bỏ quên các giá trị tình cảm, sự quan tâm chia sẻ với các thành viên gia đình “*Dù ông có tiền tỷ nhưng thường xuyên đi vắng, không quan tâm đến vợ con thì cuộc sống cũng không hạnh phúc”* (Nam, sinh năm 1985, thợ mộc, Hà Nội).

Khác biệt giữa các nhóm xã hội

Quan điểm của các nhóm xã hội khác nhau về giá trị của sự giàu có về tiền bạc đối với gia đình được xem xét theo đặc trưng nhân khẩu, kinh tế, xã hội của người trả lời bao gồm giới tính, năm sinh, dân tộc, trình độ học vấn, mức sống và khu vực sinh sống. Kết quả được trình bày ở Bảng 2 với những phát hiện thú vị.

Xét theo giới tính người trả lời, nữ giới có tỷ lệ đồng ý với nhận định “điều kiện kinh tế quyết định hạnh phúc gia đình” cao hơn nam giới (62% so với 53,2%). Tuy nhiên, nam giới lại hướng tới mục tiêu giàu có cao hơn so với nữ giới (46,2% so với 33,4%).

Xét theo nhóm tuổi, giá trị của sự giàu có diễn ra theo xu hướng tỷ lệ nghịch giữa khát vọng về sự giàu có với độ tuổi. Tỷ lệ đồng ý với nhận định “mục tiêu của gia đình là phải giàu có” ở nhóm trẻ tuổi (sinh từ 1986 trở đi) cao hơn so với nhóm cao tuổi hơn (nhóm sinh trước 1960) (41,5% so với 31,7%). Trong khi tỷ lệ đồng ý với nhận định “điều kiện kinh tế quyết định hạnh phúc gia đình” ở nhóm trẻ tuổi lại thấp hơn so với nhóm cao tuổi hơn.

Xét theo mức sống gia đình, những người có mức sống nghèo có tỷ lệ đồng ý với nhận định “vợ chồng có thể hạnh phúc mà không cần có nhiều tiền” cao hơn nhưng đồng thời cũng có tỷ lệ đồng ý với nhận định “mục tiêu của gia đình là phải giàu có” cao hơn so với nhóm có mức sống trung bình và khá giả. Xu hướng tương tự cũng diễn ra với nhóm người dân tộc thiểu số so với nhóm dân tộc Kinh, nhóm người dân ở thành thị so với nhóm người dân ở nông thôn. Liệu có sự mâu thuẫn trong quan điểm của người trả lời? Hay phải chăng với những người đã và đang trải qua những khó khăn về kinh tế, thì những thiếu thốn về tiền bạc không ảnh hưởng nhiều tới hạnh phúc gia đình? Những trải nghiệm thực tế đó khiến họ không thừa nhận sự nhất thiết của việc có nhiều tiền đối với hạnh phúc gia đình. Mặt khác, tiêu chí về hạnh phúc gia đình hay hạnh phúc vợ chồng có sự khác biệt giữa các cá nhân và các nhóm xã hội. Trong khi ở khu vực nông thôn, miền núi, tiêu chí kinh tế mang lại hạnh phúc gia đình chỉ là “đủ ăn, đủ mặc” nhưng ở khu vực đô thị, đặc biệt với những gia đình có

Bảng 2. Tỷ lệ đồng ý với các nhận định liên quan đến ý nghĩa của sự giàu có về tiền bạc đối với gia đình (%)

| Đặc trưng | Điều kiện kinh tế quyết định hạnh phúc gia đình | Mục tiêu của gia đình là phải giàu có | Vợ chồng có thể hạnh phúc mà không cần có nhiều tiền |
|-------------------------|--|--|---|
| Giới tính | | | |
| Nam | 53,2 | 46,2 | 72,3 |
| Nữ | 62,0 | 33,4 | 69,1 |
| Năm sinh | | | |
| Sinh trước 1960 | 62,1 | 31,7 | 69,7 |
| Sinh từ 1960-1975 | 59,0 | 38,4 | 73,2 |
| Sinh từ 1976-1985 | 62,5 | 43,7 | 70,3 |
| Sinh từ 1986 trở đi | 50,7 | 41,5 | 68,5 |
| Dân tộc | | | |
| Kinh | 58,4 | 37,7 | 69,2 |
| DTTS | 53,8 | 53,3 | 80,1 |
| Trình độ học vấn | | | |
| Tiểu học trở xuống | 62,1 | 46,9 | 75,1 |
| THCS | 63,4 | 42,0 | 74,8 |
| THPT | 52,3 | 33,3 | 70,7 |
| Trên THPT | 54,1 | 41,8 | 59,3 |
| Mức sống | | | |
| Nghèo | 56,5 | 47,2 | 76,7 |
| Trung bình | 58,2 | 36,1 | 70,7 |
| Khá giả | 58,8 | 36,5 | 60,9 |
| Khu vực | | | |
| Thành thị | 59,7 | 29,5 | 63,9 |
| Nông thôn | 55,4 | 47,0 | 75,5 |

mức sống cao hơn, tiêu chí về kinh tế không chỉ dừng ở đó mà còn phải đáp ứng nhu cầu giải trí của gia đình. Trong trường hợp này, giả thuyết về sự thích nghi tỏ ra phù hợp để lý giải rằng tùy thuộc vào hoàn cảnh mà mình đang thuộc về, các cá nhân chấp nhận và dựa trên hoàn cảnh đó để tổ chức cuộc sống gia đình. Ở một khía cạnh khác, cho dù ở thành thị hay nông thôn, thuộc nhóm dân tộc Kinh hay dân tộc thiểu số, có mức sống khá giả hay không, các gia đình Việt Nam đều đang phải thực hiện trách nhiệm an sinh xã hội với các thành viên gia đình (trẻ em, người cao tuổi, phụ nữ mang thai), vì thế, với thực tế còn khó khăn hơn về điều kiện kinh tế, các gia đình ở nông thôn, miền núi, các gia đình có mức sống nghèo càng hướng tới nhiều hơn sự giàu có với mong muốn có một cuộc sống vật chất tốt đẹp hơn. Trên thực tế, cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội nói chung, gia đình Việt Nam nói chung và các gia đình ở vùng nông thôn nói riêng đã và đang ngày càng nỗ lực cải thiện điều kiện vật chất của gia đình.

Kết luận

Không thể phủ nhận là gia đình Việt Nam đã và đang có những biến đổi nhất định cả về cấu trúc, chức năng và hệ giá trị. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng mục tiêu của phần lớn gia đình Việt Nam hiện nay không phải là sự giàu có. Phần lớn người trả lời đã không thừa nhận mối liên hệ giữa sự giàu có (có nhiều tiền) với hạnh phúc gia đình. Mặc dù vậy, đa số người trả lời thừa nhận giá trị của tiền bạc trong đời sống gia đình. Quan điểm này là hoàn toàn phù hợp trong bối cảnh gia đình Việt Nam vẫn đang gánh trên mình trách nhiệm an sinh xã hội.

Giá trị của sự giàu có về tiền bạc với đời sống gia đình được nhận định khác nhau giữa các nhóm xã hội. Đáng chú ý, nhóm cư dân yếu thế hơn về các điều kiện kinh tế - xã hội như nhóm có trình độ tiểu học trở xuống, nhóm dân tộc thiểu số, nhóm có mức sống nghèo, nhóm sinh sống ở khu vực nông thôn có tỷ lệ thừa nhận “vợ chồng có thể hạnh phúc mà không cần có nhiều tiền” cao song những nhóm xã hội này cũng hướng tới “mục tiêu của gia đình là sự giàu có” cao hơn so với nhóm có điều kiện kinh tế - xã hội tốt hơn. Như đã phân tích ở trên, gia đình Việt Nam vẫn đang chịu trách nhiệm chính trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em và người cao tuổi. Kết quả nghiên cứu này đặt ra vấn đề cần có định hướng phát triển phù hợp cho từng nhóm gia đình, hỗ trợ để những gia đình hạn chế hơn về nguồn lực (như nhóm trình độ học vấn thấp, nhóm dân tộc thiểu số, nhóm có mức sống nghèo, nhóm sinh sống ở khu vực nông thôn) có cơ hội phát triển kinh tế và nâng cao mức sống gia đình. Sự khá giả hơn về kinh tế sẽ góp phần giúp gia đình Việt Nam có điều kiện thực hiện tốt hơn các chức năng cũng như trách nhiệm hiện nay của họ.

Có sự dịch chuyển trong quan điểm về giá trị của sự giàu có đối với gia đình giữa các thế hệ theo chiều hướng thế hệ trẻ đồng tình với quan điểm “mục tiêu của gia đình là phải giàu có” cao hơn. Bởi vì, giá trị là mục tiêu mong ước làm động lực cho hành động (Trần Thị Minh Thi, 2017) cho nên cần chú ý đến định hướng làm giàu chính đáng cho thế hệ trẻ trong bối cảnh kinh tế thị trường ngày càng phát triển. Mục tiêu mang lại sự giàu có cho gia đình là tốt nhưng không vì sự giàu có mà làm tổn hại hay phá hủy các giá trị khác của gia đình. ■

Chú thích

⁽¹⁾ Bài viết là sản phẩm của Đề tài cấp Bộ trọng điểm “Những giá trị cơ bản của gia đình Việt Nam hiện nay” (Mã số: KHXXH-GD/16-19/10). Đề tài thuộc Chương trình “Nghiên cứu, đánh giá tổng thể về gia đình thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế” của Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- Adrian Furnham and Helen Cheng. 2000. “Lay theories of happiness”. *Journal of Happiness Studies*,1(2), 227-246.
- Eurofound. 2014. *Third European Quality of life survey – Quality of life in Europe: Families in the economic crisis*. Publications Office of the European Union, Luxembourg.
- Hoàng Tường Vân. 1996. “Mối quan hệ giữa chức năng kinh tế và hạnh phúc gia đình nông thôn”. Trong: GS Lê Thi (cb). *Gia đình Việt Nam ngày nay*. H.:Nxb. Khoa học xã hội.
- Lê Ngọc Văn, Mai Văn Hai, Đặng Thị Hoa, Bùi Thị Hương Trâm. 2016. *Hệ giá trị gia đình Việt Nam từ hướng tiếp cận xã hội học*. Nxb. Khoa học xã hội. Hà Nội.
- Mai Huy Bích. 2011. *Xã hội học về giới*. Nxb. Khoa học xã hội. Hà Nội.
- Nguyễn Đức Tuyền. 2017. Báo cáo tổng quan về giá trị và giá trị gia đình ở Việt Nam.
- Nguyễn Thị Thanh Tâm và cộng sự. 2014. Quan niệm, mức độ và các yếu tố tác động tới hạnh phúc gia đình: Nghiên cứu trường hợp tỉnh Quảng Ngãi. Báo cáo đề tài khoa học cấp Bộ.
- Phan Thị Mai Hương. 2014. “Gia đình trong hệ giá trị và định hướng giá trị của cư dân nông thôn trong bối cảnh đô thị hóa”. Trong: Nguyễn Hữu Minh (cb). *Gia đình Việt Nam trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập từ cách tiếp cận so sánh*. Nxb. Khoa học xã hội. Hà Nội
- Richard A.Easterlen.(2001. “Income and happiness: Towards a unified theory”. *The Economic Journal*, 111 (July), 465-484.
- Trần Thị Minh Thi. 2017. “Giá trị gia đình từ tiếp cận lý thuyết và một số vấn đề đặt ra với Việt Nam trong bối cảnh xã hội đang chuyển đổi”. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 1, 33-45.